

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Năm 2022

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội Dung	Số dư đầu kỳ VNĐ	Số dư cuối kỳ VNĐ	Ghi Chú
I	Tài sản ngắn hạn	282,015,937,540	267,936,047,636	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	116,464,319,169	93,825,608,384	
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5,000,000,000	5,000,000,000	
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	128,707,376,462	140,845,087,499	
4	Hàng tồn kho	29,392,100,171	23,727,292,518	
5	Tài sản ngắn hạn khác	2,452,141,738	4,538,059,235	
II	Tài sản dài hạn	219,775,454,164	195,358,430,376	
1	Các khoản phải thu dài hạn	15,444,394,777		
2	Tài sản cố định	189,496,091,424	178,502,643,253	
	- Tài sản cố định hữu hình	133,275,529,944	122,650,413,565	
	- Tài sản cố định vô hình	56,220,561,480	55,852,229,688	
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8,014,072,384	8,755,152,731	
4	Chi phí trả trước dài hạn	6,820,895,579	8,100,634,392	
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	501,791,391,704	463,294,478,012	
IV	Nợ phải trả	168,378,430,494	131,204,178,942	
1	Nợ ngắn hạn	163,810,625,433	126,185,022,812	
2	Nợ dài hạn	4,567,805,061	5,019,156,130	
V	Vốn chủ sở hữu	333,412,961,210	332,090,299,070	
1	Vốn chủ sở hữu	330,610,911,830	330,610,911,830	
	- Vốn góp của chủ sở hữu	239,393,306,678	239,393,306,678	
	- Vốn khác của chủ sở hữu	58,504,103,734	58,504,103,734	
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	32,713,501,418	32,713,501,418	
2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	2,802,049,380	1,479,387,240	
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	501,791,391,704	463,294,478,012	

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	2021 VNĐ	2022 VNĐ	Ghi Chú
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	597,876,840,834	643,942,357,992	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	597,876,840,834	643,942,357,992	
4	Giá vốn hàng bán	492,545,582,530	538,930,411,316	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	105,331,258,304	105,011,946,676	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1,856,758,357	706,984,862	
7	Chi phí tài chính	330,419,595		
8	Chi phí bán hàng			
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	80,054,167,933	78,343,458,294	
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26,803,429,133	27,375,473,244	

11	Thu nhập khác	114,695	119,839,179
12	Chi phí khác	84,598,308	196,335,686
13	Lợi nhuận khác	(84,483,613)	(76,496,507)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26,718,945,520	27,298,976,737
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,360,708,766	5,495,385,031
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21,358,236,754	21,803,591,706

Người Lập Biểu



Phạm Quốc Long

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Công Hưng



Giám Đốc



Nguyễn Hữu Phán

